



BẢN TIN

Kế toán, Kiểm toán, Thuế
& Tài chính doanh nghiệp

Phát hành hàng tháng
Tháng 9/2025

Mục lục

03 Thuế giá trị gia tăng

Hoàn thuế cho khách xuất cảnh; thuế suất 0%; khu phi thuế quan

05 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Danh mục ưu đãi từ 01/10/2025; điều kiện áp dụng; các trường hợp loại trừ

08 Thuế thu nhập cá nhân

Tiến độ Luật TNCN (thay thế); phương án giảm trừ; xử lý cổ phiếu thưởng, BĐS & chứng khoán

09 Các loại thuế khác

Tổng hợp Nghị định hướng dẫn Luật sửa đổi 08 Luật về tài chính, đầu tư, đấu thầu (Luật 90/2025/QH15)

13 Các vấn đề khác

Hóa đơn khi bán tài sản công; tiền thuê đất; hàng xuất khẩu bị trả lại; hồ sơ miễn tiền thuê đất

16 Các văn bản khác



Thủ tục hoàn thuế GTGT đối với ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế GTGT cho khách xuất cảnh sách thuế

Ngày 03/9/2025, Bộ Tài chính ban hành Quyết định 3078/QĐ-BTC công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Theo đó, trình tự thực hiện thủ tục hành chính hoàn thuế GTGT đối với ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế GTGT cho khách xuất cảnh như sau:

+ Bước 1. Ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) cho khách xuất cảnh (sau đây gọi tắt là NNT) chuẩn bị hồ sơ đề nghị hoàn và gửi đến cơ quan thuế. Trường hợp NNT gửi hồ sơ qua giao dịch điện tử: NNT truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà NNT lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm: Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế (sau đây gọi là Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền))/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để khai hồ sơ hoàn thuế và các phụ lục đính kèm theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà NNT lựa chọn.

+ Bước 2. Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: công chức thuế tiếp nhận hồ sơ và gửi Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ theo mẫu số 01/TB-HT ban hành kèm theo phụ lục I Thông tư 80/2021/TT-BTC cho NNT và ghi sổ nhận hồ sơ trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ:

++++ Hồ sơ được chấp nhận không chấp nhận: Cơ quan thuế gửi Thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo mẫu số 02/TB-HT ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư 80/2021 trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

++++ Hồ sơ được chấp nhận giải quyết: Cơ quan thuế giải quyết hồ sơ đề nghị hoàn thuế của NNT và trả kết quả theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ và ghi sổ hồ sơ trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ:

++++ Hồ sơ được chấp nhận không chấp nhận: Cơ quan thuế gửi thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo mẫu số 02/TB-HT ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư 80/2021 trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

++++ Hồ sơ không đúng thủ tục: Cơ quan thuế gửi Thông báo về việc hồ sơ không đúng thủ tục theo mẫu số 03/TB-HT ban hành kèm theo Phụ lục I Thông tư 80/2021 trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế.

++++ Hồ sơ được chấp nhận giải quyết: Cơ quan thuế giải quyết hồ sơ đề nghị hoàn thuế của NNT và trả kết quả theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ hoàn thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử:

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận việc NNT đã nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo mẫu số 01/TB-HT ban hành kèm theo Phụ lục 1 Thông tư 80/2021 cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà NNT lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị hoàn thuế của NNT.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ:

++++ Hồ sơ được chấp nhận không chấp nhận: Cơ quan thuế gửi thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ theo mẫu số 02/TB-HT ban hành kèm theo Phụ lục 1 Thông tư 80/2021 đến Cổng thông tin điện tử mà NNT lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày thông báo tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử

++++ Hồ sơ được chấp nhận giải quyết: Cơ quan thuế giải quyết hồ sơ đề nghị hoàn thuế của NNT và trả kết quả theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.





Ngành, nghề ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ 01/10/2025

Theo khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 quy định ngành, nghề ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

(1) Ứng dụng công nghệ cao, đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của Luật Công nghệ cao 2008; ứng dụng công nghệ chiến lược theo quy định của pháp luật; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư xây dựng - kinh doanh cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao;

(2) Sản xuất sản phẩm phần mềm; sản xuất sản phẩm an toàn thông tin mạng và cung cấp dịch vụ an toàn thông tin mạng đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng; sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ công nghệ số trọng điểm, sản xuất thiết bị điện tử theo quy định của pháp luật về công nghiệp công nghệ số; nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử sản phẩm chip bán dẫn; xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo;

(3) Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển do Chính phủ quy định đáp ứng một trong các tiêu chí sau đây: - Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao 2008;

- Sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho sản xuất sản phẩm các ngành dệt - may, da - giày, điện tử - tin học (bao gồm cả thiết kế, sản xuất bán dẫn), sản xuất, lắp ráp ô tô, cơ khí chế tạo đến ngày 01/10/2025 mà trong nước chưa sản xuất được hoặc đã sản xuất được nhưng phải đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật của Liên minh Châu Âu hoặc tương đương (nếu có) theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

(4) Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; bảo vệ môi trường; sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; sản xuất quốc phòng, an ninh và sản xuất sản phẩm động viên công nghiệp theo quy định của pháp luật về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; sản xuất sản phẩm công nghiệp hóa chất trọng điểm và sản phẩm cơ khí trọng điểm theo quy định của pháp luật;

(5) Đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước, cầu, đường bộ, đường sắt, cảng hàng không, cảng biển, cảng sông, sân bay, nhà ga và công trình cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

(6) Doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao 2008; doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 2025;

(7) Dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có quy mô vốn đầu tư tối thiểu 12.000 tỷ đồng và thực hiện giải ngân tổng vốn đầu tư đăng ký không quá 05 năm kể từ ngày được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

- Sử dụng công nghệ đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

(8) Dự án đầu tư thuộc đối tượng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư 2020. Chính phủ quy định chi tiết về thời gian thực hiện giải ngân tổng vốn đầu tư đăng ký của các dự án quy định tại điểm này;

(9) Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, vật nuôi; đầu tư bảo quản nông sản sau thu hoạch, bảo quản nông sản, thủy sản và thực phẩm; sản xuất, khai thác và tinh chế muối, trừ sản xuất muối quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025;

(10) Nuôi trồng lâm sản;

(11) Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản.

Thu nhập từ chế biến nông sản, thủy sản quy định tại điểm này phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025;

(12) Sản xuất thép cao cấp; sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng; sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp; sản xuất thiết bị tưới tiêu; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản;

(13) Sản xuất, lắp ráp ô tô; sản xuất sản phẩm công nghệ số khác;

(14) Đầu tư kinh doanh cơ sở kỹ thuật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư kinh doanh khu làm việc chung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

(15) Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô, ngân hàng hợp tác xã;

(16) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp;

(17) Xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường theo Danh mục loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quy định; giám định tư pháp;

(18) Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua đối với các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở; (19) Xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản; (20) Báo chí (bao gồm cả quảng cáo trên báo) theo quy định của Luật Báo chí.

Discover more information on our website

- [ACAC Vietnam website](#)
- [Latest news](#)

Điều kiện áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ 01/10/2025

Áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau: - Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại các điều 13, 14 và 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 áp dụng đối với doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ và nộp thuế theo phương pháp kê khai.

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo diện dự án đầu tư mới (bao gồm cả dự án đầu tư thuộc điểm g khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025) quy định tại Điều 13, Điều 14 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 không áp dụng đối với các trường hợp sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và trường hợp khác do Chính phủ quy định.

- Doanh nghiệp phải hạch toán riêng thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế quy định tại các điều 4, 13, 14 và 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 với thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh không được ưu đãi thuế; trường hợp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu hoặc chi phí của hoạt động sản xuất, kinh doanh được ưu đãi thuế trên tổng doanh thu hoặc tổng chi phí của doanh nghiệp. - Thuế suất 15% và 17% quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 và quy định về ưu đãi thuế tại các điều 4, 13, 14 và 15 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 không áp dụng đối với:

- + Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền góp vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản, trừ thu nhập từ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội quy định tại điểm s khoản 2 Điều 12 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025; thu nhập từ chuyển nhượng dự án đầu tư (trừ chuyển nhượng dự án chế biến khoáng sản), chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản; thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh ở ngoài Việt Nam;
- + Thu nhập từ hoạt động tìm kiếm, thăm dò và khai thác dầu khí, tài nguyên quý hiếm khác và thu nhập từ hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản;
- + Thu nhập từ sản xuất, kinh doanh trò chơi điện tử trên mạng; thu nhập từ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt theo quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt 2008, trừ dự án sản xuất, lắp ráp ô tô, máy bay, trực thăng, tàu lượn, du thuyền, lọc hóa dầu;
- + Trường hợp đặc thù theo quy định của Chính phủ. - Thuế suất 15% và 17% quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025 không áp dụng đối với doanh nghiệp là công ty con hoặc công ty có quan hệ liên kết mà doanh nghiệp trong quan hệ liên kết không phải là doanh nghiệp đáp ứng điều kiện áp dụng thuế suất quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 10 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025.
- Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện truy thu thuế và xử phạt vi phạm theo quy định của pháp luật.



Kết luận của Phó Thủ tướng về dự án Luật Thuế thu nhập cá nhân (thay thế)

Ngày 5/8/2025, Văn phòng Chính phủ vừa có Thông báo 397/TB-VPCP về Kết luận của Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc tại cuộc họp về dự án Luật Thuế thu nhập cá nhân (thay thế).

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

Theo đó, ngày 31/7/2025, tại Trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Đức Phớc đã chủ trì cuộc họp về dự án Luật Thuế thu nhập cá nhân (TNCN) (thay thế). Tham dự cuộc họp có lãnh đạo các Bộ, cơ quan: Tài chính, Xây dựng, Nội vụ, Tư pháp, Nông nghiệp và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Văn phòng Chính phủ và đại diện các Hiệp hội, doanh nghiệp trong lĩnh vực bất động sản, chứng khoán.

Sau khi nghe báo cáo của Bộ Tài chính, ý kiến phát biểu của các đại biểu dự họp, Phó Thủ tướng Hồ Đức Phớc kết luận như sau:

- Bộ Tài chính tiếp thu tối đa các ý kiến xác đáng của các đại biểu dự họp, trên cơ sở đó khẩn trương hoàn thiện dự án Luật Thuế thu nhập cá nhân (thay thế), trình Chính phủ trước ngày 15 tháng 8 để báo cáo Quốc hội tại kỳ họp Quốc hội tháng 10 năm 2025 theo quy định, trong đó lưu ý một số nội dung sau:
 - + Dự án Luật Thuế TNCN (thay thế) có tác động lớn tới người nộp thuế, vì vậy cần nghiên cứu kỹ, lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu tác động liên quan và đánh giá tác động toàn diện, đầy đủ.

- + Tiếp tục nghiên cứu quy định thời điểm, phương pháp tính thuế đối với cổ phiếu thường và cổ phiếu phân phối từ cổ tức lợi nhuận của doanh nghiệp, bảo đảm đúng bản chất, phù hợp, công bằng, hiệu quả.

- + Cơ bản các ý kiến tại cuộc họp thống nhất với đề xuất về phương pháp tính thuế đối với bất động sản, chứng khoán như Bộ Tài chính báo cáo tại cuộc họp nhằm tránh xáo trộn thị trường chứng khoán trong điều kiện đang thúc đẩy nâng hạng thị trường chứng khoán, bất động sản. Bộ Tài chính tiếp tục nghiên cứu, tổng hợp ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân để hoàn thiện phương án đề xuất.

- + Về mức giảm trừ gia cảnh: đa số các ý kiến tại cuộc họp đồng tình phương án 2 theo báo cáo của Bộ Tài chính. Bộ Tài chính tiếp tục tổng hợp ý kiến, nghiên cứu, đánh giá tác động, trong đó có tính đến mức độ trượt giá và các yếu tố tác động liên quan đến thu nhập chịu thuế của người nộp thuế.

- + Rà soát các quy định về thu nhập chịu thuế, miễn, giảm thuế (như thu nhập từ trái phiếu doanh nghiệp, đầu tư vào quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, trợ cấp thất nghiệp...).

- Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc theo chức năng nhiệm vụ được giao

Discover more information on our website

- [ACAC Vietnam website](#)
- [Latest news](#)



Tổng hợp Nghị định hướng dẫn Luật sửa đổi 08 Luật về tài chính, đầu tư, đấu thầu (Luật 90/2025/QH15)

Mới đây, Quốc hội thông qua Luật 90/2025/QH15, sửa đổi 08 về tài chính, đầu tư, đấu thầu gồm: (1) Sửa đổi bổ sung Luật Đấu thầu 2023; (2) Sửa đổi bổ sung Luật PPP 2020; (3) Sửa đổi bổ sung Luật Hải quan 2014; (4) Sửa đổi bổ sung Luật Thuế giá trị gia tăng 2024; (5) Sửa đổi bổ sung Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016; (6) Sửa đổi bổ sung Luật Đầu tư 2020; (7) Sửa đổi bổ sung Luật Đầu tư công; (8) Sửa đổi bổ sung Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Chính phủ ban hành một số Nghị định hướng dẫn Luật 90/2025/QH15 gồm các Nghị định sau đây:

Số hiệu	Nội dung trích yếu	Ngày có hiệu lực
Nghị định 167/2025/NĐ-CP	Sửa đổi Nghị định 08/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hải quan về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan	15/8/2025
Nghị định 181/2025/NĐ-CP	Hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng	01/7/2025
Nghị định 182/2025/NĐ-CP	Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 18/2021/NĐ-CP.	01/07/2025
Nghị định 186/2025/NĐ-CP	Hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	01/7/2025
Nghị định 214/2025/NĐ-CP	Hướng dẫn Luật Đấu thầu	4/8/2025
Nghị định 225/2025/NĐ-CP	Sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư	15/8/2025

Số hiệu	Nội dung trích yếu	Ngày có hiệu lực
Nghị định 239/2025/NĐ-CP	Sửa đổi Nghị định 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn Luật Đầu tư 2020.	3/9/2025
Nghị định 242/2025/NĐ-CP	Quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài	10/09/2025
Nghị định 243/2025/NĐ-CP	Hướng dẫn Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư	11/09/2025
Nghị định 254/2025/NĐ-CP	Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công	26/9/2025

Sửa đổi, bổ sung xác định địa bàn ưu đãi đầu tư theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp

Việc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư đối với đơn vị hành chính cấp xã được thành lập trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được thực hiện như sau:

(1) Đơn vị hành chính cấp xã thuộc cấp huyện là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

(2) Đơn vị hành chính cấp xã thuộc cấp huyện là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

(3) Đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập từ nhiều đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau trước khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp thì xác định như sau:

- Đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập được xác định là địa bàn ưu đãi đầu tư tính theo đa số của số lượng đơn vị hành chính cấp xã đang hưởng;

- Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn bằng nhau thì đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư bằng nhau thì đơn vị hành chính cấp xã mới thành lập được xác định là địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn;

- Trường hợp số đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và địa bàn không thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư bằng nhau thì đơn vị hành chính mới thành lập được xác định là điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

(4) Đơn vị hành chính cấp xã mới được thành lập theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên cơ sở chia, tách, nâng cấp đơn vị hành chính cũ đang thuộc địa bàn ưu đãi đầu tư hoặc do sắp xếp, điều chỉnh địa giới của các đơn vị hành chính cấp xã thuộc các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khác nhau thực hiện xác định địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại (3).

(5) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định và công bố địa bàn ưu đãi đầu tư và địa bàn đặc biệt ưu đãi đầu tư cấp xã theo quy định tại (1), (2), (3) và (4) và gửi thông tin về Bộ Tài chính để theo dõi, tổng hợp.

Hạn mức chỉ định thầu mới nhất áp dụng từ 4/8/2025

Tại Điều 78 Nghị định 214/2025/NĐ-CP quy định các trường hợp được áp dụng hình thức chỉ định thầu trong lựa chọn nhà thầu.

Tại khoản 4, Điều 78, gói thầu được áp dụng chỉ định thầu có giá quy định như sau:

- Đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng;
- Đối với gói thầu dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu không quá 800 triệu đồng,
- Đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc dự án có giá gói thầu không quá 02 tỷ đồng.

Như vậy, trên đây là hạn mức chỉ định thầu mới nhất nhất từ 4/8/2025.

Nghị định 167/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hải quan

Theo khoản 7 Điều 1 Nghị định 167/2025/NĐ-CP hướng dẫn doanh nghiệp được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên như sau:

- Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật 90/2025/QH15 để nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 10 Nghị định 8/2015/NĐ-CP sửa đổi tại Nghị định 167/2025/NĐ-CP
- Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật 90/2025/QH15 để nghị áp dụng chế độ ưu tiên: Cơ quan hải quan đánh giá việc đáp ứng các điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại các khoản 2, 3 và 5 Nghị định 8/2015/NĐ-CP sửa đổi tại Nghị định 167/2025/NĐ-CP.



Doanh nghiệp được công nhận theo khoản 1 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật 90/2025/QH15 phải duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Nghị định 8/2015/NĐ-CP sửa đổi tại Nghị định 167/2025/NĐ-CP kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên.

Doanh nghiệp được công nhận theo khoản 2 Điều 42 Luật Hải quan được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Luật 90/2025/QH15 phải duy trì việc được Bộ Khoa học và Công nghệ công bố thuộc nhóm doanh nghiệp áp dụng chế độ ưu tiên và duy trì, đáp ứng các điều kiện quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 5 Nghị định 8/2015/NĐ-CP sửa đổi tại Nghị định 167/2025/NĐ-CP kể từ ngày được công nhận áp dụng chế độ ưu tiên.

Nghị định 181/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng

Theo Điều 17 Nghị định 181/2025/NĐ-CP mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng được sửa đổi tại Điều 4 Luật 90/2025/QH15. Trong đó:

- Hàng hóa xuất khẩu bao gồm:
 - + Hàng hóa từ Việt Nam bán cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam.
 - + Hàng hóa từ nội địa Việt Nam bán cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu.
 - + Hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế. Khu vực cách ly, cửa hàng miễn thuế xác định theo quy định tại Nghị định 68/2016/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 67/2020/NĐ-CP. Xem thêm tại Nghị định 181/2025/NĐ-CP.

Nghị định 182/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Khoản 1 Điều 1 Nghị định 182/2025/NĐ-CP sửa Điều 24 Nghị định 134/2016/NĐ-CP, theo đó miễn thuế hàng hóa nhập khẩu để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ số như sau:

- Hàng hóa nhập khẩu để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ số được miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật 90/2025/QH15.

- Việc xác định hàng hóa nhập khẩu quy định tại các điểm a, c và d và việc xác định thời điểm bắt đầu nghiên cứu của tổ chức, doanh nghiệp quy định tại điểm c, điểm d khoản 21 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật 90/2025/QH15 do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn

- Việc xác định hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm b khoản 21 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật 90/2025/QH15 thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định này.

- Thời gian bắt đầu sản xuất, sản xuất thử nghiệm quy định tại điểm c, điểm d khoản 21 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật 90/2025/QH15: người nộp thuế tự kê khai, tự chịu trách nhiệm về ngày thực tế tiến hành hoạt động sản xuất, sản xuất thử nghiệm và thông báo trước khi làm thủ tục hải quan cho cơ quan hải quan nơi tiếp nhận hồ sơ thông báo danh mục miễn thuế.

Hết thời hạn miễn thuế 05 năm quy định tại điểm c khoản 21 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật 90/2025/QH15, người nộp thuế phải kê khai, nộp đủ thuế theo quy định đối với lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu đã được miễn thuế nhưng không sử dụng hết.

- Hàng hóa nhập khẩu quy định tại các điểm b, c và d khoản 21 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật 90/2025/QH15, thực hiện thông báo danh mục hàng hóa miễn thuế dự kiến nhập khẩu theo quy định tại Điều 30 Nghị định 134/2016/NĐ-CP sửa đổi bởi Nghị định 182/2025/NĐ-CP.

- Hồ sơ, thủ tục miễn thuế thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định 134/2016/NĐ-CP. Đối với hàng hóa nhập khẩu quy định tại điểm a khoản 21 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật 90/2025/QH15 thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định 134/2016/NĐ-CP và tài liệu khác có liên quan đến hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn (nếu có).

Mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2025

Ngày 11/9/2025, Thủ tướng ban hành Quyết định 2002/QĐ-TTg về việc giao dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2025.

Theo đó, quy định mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế năm 2025 như sau:

- Mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội năm 2025 bằng 1,36% dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội (trừ số chi đóng bảo hiểm y tế cho người hưởng bảo hiểm xã hội) được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội.

- Mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp năm 2025 bằng 1,36% dự toán thu, chi bảo hiểm thất nghiệp (trừ số chi đóng bảo hiểm y tế cho người hưởng bảo hiểm thất nghiệp) được trích từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

- Mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm y tế năm 2025 bằng 3,09% tiền đóng bảo hiểm y tế, được trích từ quỹ bảo hiểm y tế.

Ngoài ra, bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bảo hiểm xã hội Quân đội, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, Bộ Nội vụ (các đơn vị được giao thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp thuộc ngành lao động - bệnh nghề nghiệp) chủ động rà soát, tiết kiệm, cắt giảm những nhiệm vụ chi chưa thật sự cần thiết trong phạm vi các nội dung chi tổ chức và hoạt động được giao để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ.

Thủ tướng ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính thực hiện:

- Điều chỉnh dự toán để thực hiện chính sách, chế độ đối với viên chức, người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và báo cáo kết quả thực hiện trong báo cáo tình hình thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội, tình hình quản lý và sử dụng quỹ bảo hiểm xã hội hằng năm.

- Điều chỉnh dự toán giữa nhiệm vụ chi hoạt động bộ máy và chi thực hiện các nhiệm vụ về tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách pháp luật, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và cải cách thủ tục hành chính, phát triển, quản lý người tham gia, quản lý người thụ hưởng, thu, chi trả chế độ, kiểm tra được giao năm 2025 trên cơ sở đề xuất của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan có liên quan để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn (nếu cần thiết) sau khi đã được Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội thông qua.

Quy định về việc ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi

Ngày 10/9/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 242/2025/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài.

Nghị định 242/2025/NĐ-CP quy định về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức liên chính phủ hoặc liên quốc gia, tổ chức chính phủ được chính phủ nước ngoài ủy quyền cung cấp cho Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trong đó, có quy định cụ thể quy định về việc ưu tiên sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi như sau:

- Vốn ODA không hoàn lại được ưu tiên sử dụng để thực hiện chương trình, dự án phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; tăng cường năng lực; phòng, chống, giảm nhẹ rủi ro thiên tai, cứu trợ thảm họa, phòng chống dịch bệnh; ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; an sinh xã hội, chuẩn bị các dự án đầu tư hoặc đồng tài trợ cho dự án sử dụng vốn vay ưu đãi nhằm làm tăng thành tố ưu đãi của khoản vay.

- Vốn vay ODA được ưu tiên sử dụng cho các chương trình, dự án trong lĩnh vực y tế, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, hạ tầng kinh tế thiết yếu không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

- Vốn vay ưu đãi được ưu tiên sử dụng cho chương trình, dự án vay về để cho vay lại theo quy định pháp luật về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ; chương trình, dự án thuộc nhiệm vụ chỉ của ngân sách nhà nước trong lĩnh vực phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Dự án đầu tư công đặc biệt, chương trình dự án lớn, trọng điểm có tính chất xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái; các trường hợp ưu tiên khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về định hướng thu hút, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo từng thời kỳ.

Cục Thuế hướng dẫn xử lý hồ sơ thay đổi địa chỉ của người nộp thuế theo Công văn 3858/CT-NVT

Ngày 16/9/2025, Cục Thuế có Công văn 3858/CT-NVT về việc hướng dẫn một số nội dung nghiệp vụ quản lý thuế.

Trong đó, thực hiện triển khai liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định 168/2025/NĐ-CP và sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế của hộ kinh doanh theo quy định tại Thông tư 86/2024/TT-BTC và thực hiện triển khai công tác quản lý thuế theo địa bàn hành chính 02 cấp, Cục Thuế hướng dẫn một số nội dung về đăng ký địa điểm kinh doanh và đăng ký, sử dụng hóa đơn điện tử của hộ kinh doanh, xử lý hồ sơ thay đổi địa chỉ của người nộp thuế, cụ thể về hướng dẫn xử lý hồ sơ thay đổi địa chỉ của người nộp thuế như sau:

Theo hướng dẫn tại Công văn 2066/CT-NVT ngày 26/6/2025 của Cục Thuế, giải pháp của Hệ thống TMS hiện nay vẫn sử dụng đồng thời bộ mã cơ quan thuế trước đây (63 mã cơ quan thuế tỉnh/thành phố) và bộ mã theo 34 tỉnh/thành phố mới. Do đó, đối với hồ sơ thay đổi địa chỉ của người nộp thuế trong cùng Thuế tỉnh/thành phố nhưng có thay đổi mã cơ quan thuế cũ, Thuế tỉnh/thành phố phải thực hiện thao tác thay đổi mã cơ quan thuế quản lý cũ trên hệ thống TMS để hoàn tất việc xử lý hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở của NNT.

Ví dụ: Doanh nghiệp đóng trụ sở tại tỉnh Bắc Giang (cũ), có hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh Bắc Ninh (cũ). Theo danh mục địa bàn hành chính mới (34 tỉnh/thành phố) thì địa chỉ trụ sở mới của doanh nghiệp vẫn thuộc địa bàn tỉnh Bắc Ninh (mới). Trường hợp này về mặt nghiệp vụ là không thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp (Thuế tỉnh Bắc Ninh quản lý), tuy nhiên trong hệ thống vẫn đang gán đồng thời mà Cục Thuế tỉnh Bắc Giang (cũ) và mã Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh (cũ) tương ứng với Thuế tỉnh Bắc Ninh (mới). Do đó, cán bộ thuế phải thực hiện thao tác chuyển/nhận mã số thuế và chuyển/nhận nghĩa vụ thuế từ mã Cục Thuế tỉnh Bắc Giang (cũ) sang mã Cục Thuế tỉnh Bắc Ninh (cũ) để hoàn tất việc xử lý hồ sơ thay đổi địa chỉ trụ sở của người nộp thuế.

Cục Thuế hướng dẫn để Thuế các tỉnh, thành phố được biết và hướng dẫn người nộp thuế thực hiện.

Hồ sơ, trình tự và thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp được quy định như thế nào?

Căn cứ Điều 40 Nghị định 168/2025/NĐ-CP quy định cụ thể hồ sơ, trình tự và thủ tục đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, bao gồm:

- Trường hợp doanh nghiệp thay đổi địa chỉ trụ sở chính dẫn đến thay đổi Cơ quan thuế quản lý người nộp thuế, doanh nghiệp phải thực hiện các thủ tục với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

- Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở mới. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

- + Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;

- + Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trao giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và gửi thông tin về việc chuyển địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cho Cơ quan thuế.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc doanh nghiệp hoàn thành thủ tục với Cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp theo quy định; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho doanh nghiệp.

- Khi thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp không thay đổi.





- Theo **Công văn 4051/CT-NVT** ngày 25/09/2025 của CT về hoá đơn điện tử bán tài sản công.
- Theo **Công văn số 4025/CT-CS** ngày 24/09/2025 của CT về việc tiền thuê đất.
- Theo **Công văn số 25426/CHQ-NVTHQ** ngày 22/09/2025 của CHQ về việc thuế GTGT đối với hàng xuất khẩu bị nước ngoài trả lại.
- Theo **Công văn 3958/CT-CS** ngày 19/09/2025 của CT về việc thủ tục giải quyết đối với hồ sơ miễn tiền thuê đất.

Thông tin liên hệ

Văn phòng Hà Nội

Số 2, Ngách 26/15, ngõ 20 Huy
Du, Phường Từ Liêm, TP. Hà Nội.
SĐT: (84-24) 3556 8636

Văn phòng Hồ Chí Minh

Tháp T2, chung cư M-one Nam Sài
Gòn, 35/12 Bến Văn Cầm, P. Tân
Hưng, TP. Hồ Chí Minh.
SĐT: (84-225) 373 6866

Văn phòng Hải Phòng

Số 16, lô VP-05, Khu đô thị Việt
Phát, đường Dương Đình Nghệ,
phường Lê Chân, TP. Hải Phòng.
SĐT: (84-225) 373 6866

Chi nhánh Hải Thành

Số 39/383 Phủ Thượng Đoàn,
phường Hải An, TP. Hải Phòng.
SĐT: (84-225) 373 6866

ACAC là một trong những công ty cung cấp các dịch vụ kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế và quản trị doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế. ACAC đã cung cấp các dịch vụ cho nhiều khách hàng hơn bất kỳ hãng nào khác tại Việt Nam với chất lượng cao và đã thực sự chiếm được sự tín nhiệm của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

